

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 30 tháng 12 năm 2022  
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Tuấn;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phẩm.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hồng Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa:

*- Nguyên đơn:* Anh Bùi Xuân B, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Khu X H, xã Đ L, huyện C K, tỉnh Phú Thọ.

*- Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Bảo N, sinh năm 1994;

Nơi ĐKKHKT: Khu 12, xã Đ L, huyện C K, tỉnh Phú Thọ.

(Hiện đang ở nước ngoài).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Đội 10, G M, xã H T, huyện M Đ, thành phố Hà Nội.

(Anh B, chị L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị N vắng mặt lần thứ hai).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 09/8/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Bùi Xuân B trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị Bảo N kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 21/10/2011 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H T, huyện M Đ, thành phố Hà Nội. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc sau

vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, vợ chồng đi làm mỗi người một nơi. Đến năm 2019 chị N đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, hai vợ chồng không liên lạc với nhau. Anh nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Bảo N.

*Về con chung:* Anh B xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Bùi Mai L, sinh ngày 03/9/2012 và cháu Bùi Gia B, sinh ngày 02/7/2014. Hiện các cháu đang ở cùng Anh B. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

*Về tài sản chung, riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Anh B không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Anh B tự nguyện chịu toàn bộ.

*Phía bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Bảo N hiện đang ở nước ngoài thể hiện tại công văn số: 20663/QLXNC-P5 ngày 05/10/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định chị N đã xuất cảnh ngày 20/12/2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do Anh B không biết địa chỉ của chị N ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của chị Nguyễn Thị L là em ruột của chị N và được chị L cung cấp như sau: Hiện tại chị N đang ở Đài Loan địa chỉ cụ thể chị không biết. Nhưng gia đình và chị N vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại Zalo, Facebook, chị L đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị N và yêu cầu chị cung cấp địa chỉ của chị N ở nước ngoài, chị đã thông báo cho chị N biết xong chị N không cung cấp địa chỉ cho chị để cung cấp cho Tòa án. Thông qua điện thoại chị đã trao đổi nội dung Anh B xin ly hôn chị N và chị N nhất trí ly hôn theo yêu cầu của Anh B.

*Về con chung:* Chị L xác định Anh B và chị N có hai con chung là cháu Bùi Mai L, sinh ngày 03/9/2012 và cháu Bùi Gia B, sinh ngày 02/7/2014. Hiện nay hai cháu đều do Anh B trực tiếp chăm sóc, chị N đang ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu được nên chị N đồng ý cho Anh B trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu L và cháu B, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Cháu L và cháu B đều có nguyện vọng ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của UBTWQH.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Xuân B. Anh Bùi Xuân B được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bảo N.

- Về con chung:

Giao 02 cháu Bùi Mai L, sinh ngày 03/9/2012 và Bùi Gia B, sinh ngày 02/7/2014 cho Anh B trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi từng con chung thành niên. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh B phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Bảo N đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ L, huyện C K, tỉnh Phú Thọ. Theo Công văn số: 20663/QLXNC-P5 ngày 05/10/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định chị N đã xuất cảnh ngày 20/12/2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong vụ án này chị N không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Anh B đề nghị xin ly hôn với chị N và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của chị N mà không cung cấp được địa chỉ chị N ở chỗ nào tại nước ngoài, Tòa án đã thông qua thân nhân của chị N là chị Nguyễn Thị L là em gái ruột của chị N thì thấy gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không biết địa chỉ cụ thể của chị N ở đâu tại nước ngoài, bản thân chị N không cung cấp địa chỉ mặc dù đã được chị L thông báo. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn nên cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tại phiên tòa Anh B, chị L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Xuân B và chị Nguyễn Thị Bảo N kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/10/2011 tại UBND xã H T, huyện M Đ, thành phố Hà Nội, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Anh B và chị N có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là quan điểm sống không hợp nhau, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết

cho chị được ly hôn với chị N. Mặc dù chị N không có lời khai xong thông qua chị L là em gái ruột của chị N cung cấp quan điểm của chị N cũng nhất trí ly hôn với Anh B. Do vậy, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa Anh B và chị N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho Anh B được ly hôn chị N là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh B và chị N có 02 con chung là cháu Bùi Mai L, sinh ngày 03/9/2012 và cháu Bùi Gia B, sinh ngày 02/7/2014. Anh B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung con chung. Anh B không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Phía chị L còn cung cấp thông tin phía chị N cũng đồng ý quan điểm nuôi con chung của Anh B.

Xét thấy: Nguyện vọng của Anh B được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, cháu L và cháu B cũng đều có nguyện vọng ở với Anh B khi bố mẹ ly hôn. Thông qua chị L cung cấp thông tin chị N cũng nhất trí cho Anh B được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung nên giao cháu Bùi Mai L và cháu Bùi Gia B cho Anh B được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh B do Anh B tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh B không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh B tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 207; điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Xuân B được ly hôn chị Nguyễn Thị Bảo N.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Bùi Xuân B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu Bùi Mai L, sinh ngày 03/9/2012 và cháu Bùi Gia B, sinh ngày 02/7/2014. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh B do Anh B tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Bùi Xuân B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Anh B đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000314 ngày 05/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh Bùi Xuân B có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. Chị Nguyễn Thị Bảo N có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (Một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã H T, huyện M Đ;
- UBND xã Đ L;
- UBND xã Đ L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Anh Tuấn**